

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA
NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn
Ông Nguyễn Hữu Hằng
Ông Nguyễn Văn Tinh

Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2014)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014)
Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2014,
miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2014)

Ông Nguyễn Văn Tinh
Ông Phùng Văn Sinh
Ông Trần Hữu Nam
Ông Lê Thế Sơn

Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tinh
Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Ông Phạm Văn Ninh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

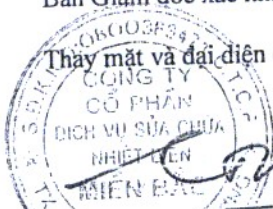
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Tinh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Số: 570 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 20, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đinh Tiến Long
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 3002-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÁU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		129.190.593.355	125.976.266.158
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	30.427.229.304	28.780.680.352
1. Tiền	111		10.427.229.304	1.780.680.352
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	27.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	16.200.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	16.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.447.308.334	79.878.185.151
1. Phải thu khách hàng	131	6	96.706.788.619	75.235.897.753
2. Trả trước cho người bán	132		-	99.000.000
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	4.136.542.251
4. Các khoản phải thu khác	135	7	114.334.469	780.559.901
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(373.814.754)	(373.814.754)
IV. Hàng tồn kho	140	8	410.823.894	675.797.239
1. Hàng tồn kho	141		410.823.894	675.797.239
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.905.231.823	441.603.416
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.318.605.884	58.998.682
2. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		586.625.939	332.784.734
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	49.820.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		31.868.772.446	26.527.100.413
I. Tài sản cố định	220		30.651.884.369	23.034.616.088
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	30.405.560.169	23.034.616.088
- Nguyên giá	222		62.849.839.263	48.210.975.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.444.279.094)	(25.176.359.847)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		49.022.644	49.022.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.022.644)	(49.022.644)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		246.324.200	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	1.000.000.000	1.646.540.296
1. Đầu tư dài hạn khác	258		2.293.080.591	2.293.080.591
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.293.080.591)	(646.540.295)
III. Tài sản dài hạn khác	260		216.888.077	1.845.944.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	216.888.077	1.845.944.029
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		161.059.365.801	152.503.366.571

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÁU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		77.845.893.974	75.455.409.959
I. Nợ ngắn hạn	310		77.845.893.974	75.455.409.959
1. Phải trả người bán	312		13.714.204.909	20.012.493.561
2. Người mua trả tiền trước	313		47.600.000	47.600.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	14.403.211.860	14.571.496.836
4. Phải trả người lao động	315		44.131.858.389	36.261.125.341
5. Chi phí phải trả	316		482.719.858	218.267.107
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	2.196.227.461	1.390.468.845
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.870.071.497	2.953.958.269
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		83.213.471.827	77.047.956.612
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	83.213.471.827	77.047.956.612
1. Vốn điều lệ	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.170.614.000	3.256.669.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.281.533.000	2.324.561.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.761.324.827	21.466.726.612
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		161.059.365.801	152.503.366.571



Nguyễn Văn Tính
 Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thị Nhài

Đặng Thị Nhài
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1 Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		207.799.545.004	237.739.932.548
2 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		207.799.545.004	237.739.932.548
3 Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		165.026.021.178	188.746.475.247
4 Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		42.773.523.826	48.993.457.301
5 Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	1.956.442.734	1.518.437.905
6 Chi phí tài chính	22	16	646.540.296	646.540.295
7 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.617.879.652	23.776.964.954
8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-25)	30		24.465.546.612	26.088.389.957
9 Thu nhập khác	31		182.672.788	141.326.192
10 Chi phí khác	32		124.459.861	95.345.063
11 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		58.212.927	45.981.129
12 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.523.759.539	26.134.371.086
13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	5.706.328.324	6.994.922.970
14 Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		18.817.431.215	19.139.448.116
15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	3.763	3.828



Nguyễn Văn Tính
 Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Đặng Thị Nhài
 Kế toán trưởng

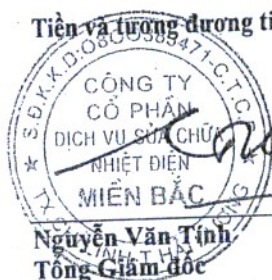
Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.523.759.539	26.134.371.086
2. Điều chỉnh cho các khoản:		5.958.016.809	5.452.130.098
- Khấu hao tài sản cố định	02	7.267.919.247	6.211.883.326
- Các khoản dự phòng	03	646.540.296	758.684.677
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.956.442.734)	(1.518.437.905)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.481.776.348	31.586.501.184
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(20.655.845.434)	15.005.844.893
- Thay đổi hàng tồn kho	10	264.973.345	91.219.524
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.597.342.150	10.930.751.222
- Thay đổi chi phí tài sản ngắn hạn	12	369.448.750	1.292.670.409
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.435.888.703)	(4.758.455.877)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.320.222.534	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.238.802.772)	(5.028.965.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.703.226.218	49.119.565.900
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(13.713.120.000)	(12.900.274.909)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(15.200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.200.000.000	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.956.442.734	875.254.573
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.443.322.734	(27.225.020.336)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(7.500.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.500.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.646.548.952	15.894.545.564
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	28.780.680.352	12.886.134.788
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	30.427.229.304	28.780.680.352



Nguyễn Văn Tính
 Tổng Giám đốc

Đặng Thị Nhài
 Kế toán trưởng

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 7 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 5 năm 2013.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 792 (31 tháng 12 năm 2013: 850).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương, sản xuất phụ gia bê tông từ tro bay, cung ứng nhân lực và các dịch vụ đào tạo, vận hành, đầu tư các công trình điện và công nghiệp, xây lắp sửa chữa kỹ thuật công trình giao thông, thi công công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng, kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập ra bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

	2014
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	04 - 19
Máy móc và thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị văn phòng	05 - 09

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm quản lý, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	13.903.991	94.615.785
Tiền gửi ngân hàng	10.413.325.313	1.686.064.567
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	27.000.000.000
	30.427.229.304	28.780.680.352

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 4,5% đến 5,1%.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	96.332.973.865	71.758.421.344
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	80.345.437.528	51.559.580.072
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	4.890.109.040	11.445.253.942
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.963.008.038	4.483.142.340
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	8.134.419.259	4.270.444.990
Phải thu khách hàng khác	373.814.754	3.477.476.409
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	-	2.562.285.565
Các đối tượng khác	373.814.754	915.190.844
	96.706.788.619	75.235.897.753

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	-	670.933.332
Phải thu khác	114.334.469	109.626.569
	114.334.469	780.559.901

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	403.271.454	620.290.746
Công cụ, dụng cụ	7.552.440	55.506.493
	410.823.894	675.797.239
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	410.823.894	675.797.239

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	6.721.411.469	32.792.243.985	6.466.708.063	2.230.612.418	48.210.975.935
Mua trong năm	486.000.000	11.817.120.000	1.524.050.000	-	13.827.170.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	811.693.328	-	-	-	811.693.328
Tại ngày 31/12/2014	8.019.104.797	44.609.363.985	7.990.758.063	2.230.612.418	62.849.839.263
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	2.567.799.866	16.653.187.019	5.136.863.763	818.509.199	25.176.359.847
Khấu hao trong năm	996.231.130	5.199.188.940	685.649.201	386.849.976	7.267.919.247
Tại ngày 31/12/2014	3.564.030.996	21.852.375.959	5.822.512.964	1.205.359.175	32.444.279.094
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	4.455.073.801	22.756.988.026	2.168.245.099	1.025.253.243	30.405.560.169
Tại ngày 31/12/2013	4.153.611.603	16.139.056.966	1.329.844.300	1.412.103.219	23.034.616.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 8.870.609.647 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 5.001.487.324 đồng).

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	1.293.080.591	1.293.080.591
Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại	1.000.000.000	1.000.000.000
	2.293.080.591	2.293.080.591
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.293.080.591)	(646.540.295)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hùng Lợi	1.000.000.000	1.646.540.296

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng rằng, vốn góp thực tế của các cổ đông vào Công ty Cổ phần Phụ gia Bê tông Phả Lại vẫn thấp hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của các Công ty này, nên không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	216.888.077	1.845.944.029
	216.888.077	1.845.944.029

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phà Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	9.667.747.175	9.816.003.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.025.933.221	4.755.493.600
Khác	709.531.464	-
	14.403.211.860	14.571.496.836

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	539.689.570	639.537.180
Hoàn thuế thu nhập cá nhân	627.858.281	393.125.984
Quỹ hỗ trợ do cán bộ, nhân viên đóng góp	420.059.201	342.074.206
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	608.620.409	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	15.731.475
	2.196.227.461	1.390.468.845

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	1.576.707.000	1.484.580.000	17.291.684.578	70.352.971.578
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.139.448.116	19.139.448.116
Trích quỹ	-	1.679.962.000	839.981.000	(8.964.406.082)	(6.444.463.082)
Trả cổ tức	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2014	50.000.000.000	3.256.669.000	2.324.561.000	21.466.726.612	77.047.956.612
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.817.431.215	18.817.431.215
Trích quỹ (*)	-	1.913.945.000	956.972.000	(8.022.833.000)	(5.151.916.000)
Trả cổ tức (*)	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	50.000.000.000	5.170.614.000	3.281.533.000	24.761.324.827	83.213.471.827

(*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-NPS-DHĐCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013, cụ thể như sau:

- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 1.913.945.000 đồng, Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 956.972.000 đồng, Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền 500.000.000 đồng và chi cổ tức cho các cổ đông với số tiền 7.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 5.834.916.000 đồng, trong năm 2013 Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận dự kiến năm 2014 với số tiền 1.183.000.000 đồng, số còn lại được trích trong năm 2014 là 4.651.916.000 đồng

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 14 tháng 5 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	25.000.000.000	50	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	5.000.000.000	10	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị điện	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	2.500.000.000	5	2.500.000.000	2.500.000.000
	50.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.816.442.734	1.458.437.905
Cổ tức	140.000.000	60.000.000
	1.956.442.734	1.518.437.905

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	646.540.296	646.540.295
	646.540.296	646.540.295

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	11.392.011.979	19.962.130.187
Chi phí nhân công	138.061.168.026	155.778.450.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.239.659.043	6.179.335.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.153.474.960	12.917.828.577
Chi phí bằng tiền khác	16.797.586.822	17.685.695.038
	184.643.900.830	212.523.440.201

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	24.523.759.539	26.134.371.086
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	973.869.220	1.845.320.795
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(140.000.000)	(60.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.113.869.220	1.905.320.795
Thu nhập chịu thuế	25.497.628.759	27.979.691.881
Thuế suất thông thường	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	5.609.478.327	6.994.922.970
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước bổ sung sau quyết toán	96.849.997	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.706.328.324	6.994.922.970

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	18.817.431.215	19.139.448.116
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.763	3.828

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	850.335.888	406.986.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	979.210.087	393.031.869
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.916.840.348	1.572.127.476
Sau năm năm	37.308.320.643	13.326.869.862
	42.204.371.078	15.292.029.207

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê 62.428,3 m² đất tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương với giá thuê 12.610 đồng/m²/năm (đơn giá mới theo quy định tại Phụ lục Hợp đồng số 1429/HĐTD ngày 30 tháng 5 năm 2014). Hợp đồng thuê đất có thời hạn 50 năm tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2008, được ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương vào ngày 12 tháng 8 năm 2009; và

- Số tiền thuê 13.366 m² đất khu đồi cao tại phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương với giá thuê 14.364 đồng/m²/năm. Hợp đồng thuê đất có thời hạn 44 năm và hết hiệu lực vào ngày 11 tháng 9 năm 2056.

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	30.427.229.304	28.780.680.352
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(30.427.229.304)	(28.780.680.352)
Nợ thuần	83.213.471.827	77.047.956.612
Vốn chủ sở hữu	-	-
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.427.229.304	28.780.680.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.447.308.334	79.779.185.151
Đầu tư ngắn hạn	-	16.200.000.000
Đầu tư dài hạn	1.000.000.000	1.646.540.296
Tổng cộng	127.874.537.638	126.406.405.799
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.342.063.190	20.421.351.020
Chi phí phải trả	482.719.858	218.267.107
Tổng cộng	14.824.783.048	20.639.618.127

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro thị trường****Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 22.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.427.229.304	-	30.427.229.304
Phải thu khách hàng và phải thu khác	96.447.308.334	-	96.447.308.334
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	126.874.537.638	1.000.000.000	127.874.537.638
31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.342.063.190	-	14.342.063.190
Chi phí phải trả	482.719.858	-	482.719.858
Tổng cộng	14.824.783.048	-	14.824.783.048
Chênh lệch thanh khoản thuần	112.049.754.590	1.000.000.000	113.049.754.590

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮC

Báo cáo tài chính

Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.780.680.352	-	28.780.680.352
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.779.185.151	-	79.779.185.151
Đầu tư ngắn hạn	16.200.000.000	-	16.200.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.646.540.296	1.646.540.296
Tổng cộng	124.759.865.503	1.646.540.296	126.406.405.799
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	20.421.351.020	-	20.421.351.020
Chi phí phải trả	218.267.107	-	218.267.107
Tổng cộng	20.639.618.127	-	20.639.618.127
Chênh lệch thanh khoản thuần	104.120.247.376	1.646.540.296	105.766.787.672

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	Chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	152.444.279.896	174.629.328.724
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	10.302.022.916	24.966.943.579
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	27.278.746.710	19.617.503.076
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	16.667.433.296	12.540.258.288
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.871.594.530	3.885.682.489
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	307.936.012	239.973.525
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	77.280.000	76.200.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	113.980.455	34.785.273
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.190.325.207	1.449.810.292

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỬA CHỮA NHIỆT ĐIỆN MIỀN BẮCPhường Phả Lại, thị xã Chí Linh,
Tỉnh Hải Dương, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư các bên liên quan:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	80.345.437.528	51.559.580.072
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	4.890.109.040	11.445.253.942
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	2.963.008.038	4.483.142.340
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	8.134.419.259	4.270.444.990
Phải trả nhà cung cấp		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Phát điện 1	43.098.000	83.820.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	125.378.500	38.309.700
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	186.083.386	-

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Nguyễn Văn Tinh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Đặng Thị Nhài
Kế toán trưởngPHÓ CHỦ TỊCH
Tham Văn Bộ